

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

ĐỖ THỊ QUẾ MINH

QUẢN TRỊ RỦI RO LÃI SUẤT
TẠI NGÂN HÀNG TMCP PHƯƠNG ĐÔNG

Chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng

Mã số: 60.34.20

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng - Năm 2013

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học : **PGS.TS. NGUYỄN NGỌC VŨ**

Phản biện 1: PGS. TS. LÂM CHÍ DŨNG

Phản biện 2: TS. TRỊNH THỊ THÚY HỒNG

Luận văn đã được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 23 tháng 9 năm 2013.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng

Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong hoạt động kinh doanh ngân hàng có rất nhiều loại rủi ro xảy ra như rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro ngoại hối,... nhưng rủi ro đặc thù và khó phòng ngừa nhất của ngân hàng là rủi ro lãi suất. Khi lãi suất thị trường biến động gây ảnh hưởng đến nguồn thu từ danh mục cho vay và đầu tư chứng khoán cũng như chi phí trả lãi đối với các khoản tiền gửi, các nguồn vay của ngân hàng. Những tác động này có thể làm giảm chi phí nguồn vốn, giảm thu nhập từ tài sản và hạ thấp vốn chủ sở hữu của ngân hàng. Điều này làm thay đổi tiêu cực đến toàn bộ bảng cân đối kế toán và báo cáo thu nhập của ngân hàng. Do vậy, công tác quản trị rủi ro ở ngân hàng là rất cần thiết nhằm giúp các ngân hàng hạn chế được các thiệt hại khi lãi suất thị trường biến động. Ngoài ra, việc quản trị rủi ro lãi suất tại ngân hàng tốt sẽ xác định được giá trị của ngân hàng trong hệ thống.

Xuất phát từ nhận thức trên và nhận thấy được tầm quan trọng của vấn đề, là nhân viên đang công tác tại Ngân hàng TMCP Phương Đông. Tôi xin chọn đề tài “**Quản trị rủi ro lãi suất tại Ngân hàng TMCP Phương Đông**” cho luận văn tốt nghiệp của mình.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận về RRLS và quản trị RRLS của ngân hàng thương mại.
- Đánh giá thực trạng rủi ro lãi suất và quản trị rủi ro lãi suất tại Ngân hàng TMCP Phương Đông.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện quản trị RRLS tại Ngân hàng TMCP Phương Đông.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Luận văn tập trung nghiên cứu giữa lý luận và thực tế nguyên nhân dẫn đến rủi ro lãi suất, thực trạng công tác quản trị rủi ro lãi suất trong thời gian qua của Ngân hàng TMCP Phương Đông, từ đó đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản trị rủi ro lãi suất.

4. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu, luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu như:

- Phương pháp thống kê, Phương pháp so sánh, Phương pháp phân tích, Phương pháp tổng hợp.

5. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung chính của luận văn được kết cấu thành 3 chương.

Chương 1. Những vấn đề lý luận cơ bản về quản trị rủi ro lãi suất của ngân hàng thương mại

Chương 2. Thực trạng quản trị rủi ro lãi suất tại Ngân hàng TMCP Phương Đông

Chương 3. Hoàn thiện công tác quản trị rủi ro lãi suất tại Ngân hàng TMCP Phương Đông

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ QUẢN TRỊ RỦI RO LÃI SUẤT CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1. RỦI RO LÃI SUẤT

1.1.1. Lãi suất

a. Khái niệm về lãi suất

Lãi suất là chi phí phải bỏ ra cho việc vay tiền, là giá cả của quyền được sử dụng tiền tệ trong một khoảng thời gian nhất định mà người sử dụng phải trả cho người sở hữu nó.

$$\text{Lãi suất} = \text{Tiền lãi/Vốn vay} * 100\%$$

b. Phân loại lãi suất

- Căn cứ vào thời hạn tín dụng
- Căn cứ vào loại hình tín dụng
- Căn cứ vào giá trị thực của lãi suất
- Căn cứ vào mức độ ổn định của lãi suất

1.1.2. Rủi ro lãi suất

a. Khái niệm rủi ro lãi suất

- Rủi ro lãi suất là khả năng xảy ra những tổn thất ngoài dự kiến gắn với thay đổi của lãi suất và nhiều nhân tố khác như cấu trúc và kỳ hạn của tài sản và nguồn, quy mô và kỳ hạn của các hợp đồng kỳ hạn.

b. Phân loại rủi ro lãi suất

- Rủi ro tái tài trợ
- Rủi ro tái đầu tư
- Rủi ro giá trị thị trường

c. Nguyên nhân gây ra rủi ro lãi suất

- **Sự không phù hợp về kỳ hạn của nguồn và tài sản:** Một ngân hàng vừa huy động và vừa cho vay với những kỳ hạn không giống nhau với các mức lãi suất khác nhau sẽ phát sinh rủi ro lãi suất.

- **Sự thay đổi của lãi suất thị trường khác với dự kiến của ngân hàng:** Thay đổi lãi suất ngoài dự kiến, làm mức chênh lệch lãi suất tăng giảm không được lượng đoán trước, ảnh hưởng đến lợi nhuận của ngân hàng.

- **NH sử dụng lãi suất cố định trong các hợp đồng:** Việc sử dụng lãi suất cố định trong các hợp đồng huy động nguồn và cho vay hay đầu tư, việc duy trì các hợp đồng này làm chênh lệch lãi suất gia tăng. Do đó gây rủi ro cho ngân hàng.

1.1.3. Tác động của rủi ro lãi suất đến hoạt động kinh doanh NH

a. Khía cạnh lợi nhuận

b. Khía cạnh giá trị kinh tế

c. Thiệt hại ẩn

1.2. QUẢN TRỊ RỦI RO LÃI SUẤT

1.2.1. Khái niệm về quản trị rủi ro lãi suất

Quản trị RRLS là quá trình tiếp cận rủi ro một cách khoa học, toàn diện và có hệ thống nhằm nhận dạng, đo lường, kiểm soát, và tối thiểu hoá những tác động bất lợi của rủi ro do biến động lãi suất gây ra.

1.2.2. Mục tiêu và nguyên tắc quản trị rủi ro lãi suất

a. Mục tiêu

b. Nguyên tắc quản trị rủi ro lãi suất

1.2.3. Nội dung quản trị rủi ro lãi suất

a. Nhận dạng rủi ro

- **Nhận dạng rủi ro:** Dấu hiệu rủi ro lãi suất của ngân hàng có thể được chia ra làm 4 loại: rủi ro đánh giá lại, rủi ro cơ bản, rủi ro đường cong lợi tức, và rủi ro quyền chọn

- **Các phương pháp nhận dạng rủi ro lãi suất có thể thực hiện**

b. Đo lường rủi ro

Đo lường rủi ro: là quá trình xác định mức độ nghiêm trọng của tổn thất và khả năng xuất hiện của từng loại rủi ro (đã được nhận diện), trên cơ sở đó, xếp hạng các rủi ro theo thứ tự ưu tiên mà các nguồn lực phải được dành để kiểm soát.

➤ **Các phương pháp đo lường rủi ro lãi suất**

- Phương pháp định giá lại
- Phương pháp kỳ hạn đến hạn
- Phương pháp vòng đời bình quân
- Phương pháp giá trị rủi ro VaR (Value-at-Risk)

➤ **Các chỉ tiêu đo lường rủi ro lãi suất**

🚧 Khe hở nhạy cảm lãi suất (ký hiệu **GAP_{rs}**)

$$\mathbf{GAP_{rs} = RSA - RSL}$$

Trong đó: RSA là Tài sản nhạy cảm với lãi suất (TS NCLS)

RSL là Nợ nhạy cảm với lãi suất (Nợ NCLS)

🚧 Tỷ lệ TS NCLS trên Nợ NCLS (ký hiệu **ISR**)

$$\mathbf{ISR = RSA/RSL}$$

🚧 Tỷ số giữa GAP với TS NCLS (IS GAP tương đối)

$$\mathbf{IS\ GAP\ tương\ đối = GAP/RSA}$$

🚧 Chỉ tiêu tổn thất trên thu nhập lãi ròng của NH (Δ Net Interest Income) (ký hiệu **Δ NII**)

$$\mathbf{\Delta NII = (RSA \times \Delta R_A) - (RSL \times \Delta R_L) \quad (1)}$$

Trong đó: $\Delta R_A, \Delta R_L$ lần lượt là chênh lệch lãi suất của Tài sản và Nợ NCLS.

Trong trường hợp mức độ biến động lãi suất của Tài sản và Nợ như nhau thì (1) được viết lại: $\Delta NII = \mathbf{GAP_{rs} \times \Delta i}$

Trong đó: Δi là chênh lệch lãi suất khi có sự biến động ($=R_{đt}$ kiến - $R_{hiện\ hành}$)

✚ Chỉ tiêu mức thay đổi giá trị vốn chủ sở hữu

Chênh lệch kỳ hạn bình quân giữa tài sản và nợ (Khe hở kỳ hạn đến hạn- GAP_M) $GAP_M = M_A - M_L$

✚ Chỉ tiêu mức thay đổi giá trị vốn chủ sở hữu tính theo đòn bẩy nợ

$$\Delta E = -(D_A - D_L x \frac{L}{A}) x A x \frac{\Delta r}{1+r}$$

✚ **Đo lường rủi ro theo hiệp ước Basel I và II**

c. Kiểm soát rủi ro

Là việc sử dụng các biện pháp kỹ thuật, công cụ, chiến lược và các chương trình hoạt động để ngăn ngừa, né tránh, giảm thiểu và chuyển giao rủi ro. Căn cứ vào mức độ rủi ro đã được tính toán, các hệ số an toàn cần đảm bảo, và khả năng chấp nhận rủi ro mà có những biện pháp phòng chống khác nhau nhằm làm giảm mức độ thiệt hại. Các kỹ thuật được lựa chọn để giảm thiểu rủi ro lãi suất là:

- Duy trì khe hở lãi suất GAP_{rs} thấp
- Duy trì khe hở vòng đời về mức Zero
- Sử dụng các công cụ phái sinh để phòng ngừa rủi ro lãi suất

d. Tài trợ rủi ro

Là việc ngân hàng dự trữ các nguồn quỹ dự phòng cần thiết, sẵn sàng bù đắp được mọi tổn thất có thể xảy ra để đảm bảo an toàn cho hoạt động kinh doanh.

1.2.4. Các tiêu chí phản ánh kết quả công tác quản trị RRLS của NHTM

- Mức giảm chênh lệch khe hở nhạy cảm lãi suất GAP_{rs}
- Mức giảm tổn thất (hay mức tăng) thu nhập lãi ròng của ngân hàng
- Mức giảm chênh lệch khe hở kỳ hạn bình quân của tài sản

nợ và có

- Mức tăng nguồn vốn chủ sở hữu
- Mức độ gia tăng tỷ lệ giữa giá trị các hợp đồng phái sinh/giá trị tài sản nhạy cảm lãi suất

1.3. CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN QUẢN TRỊ RỦI RO LÃI SUẤT

1.3.1. Các nhân tố khách quan

a. Thị trường các công cụ phái sinh: Sử dụng các công cụ phái sinh là một trong những chiến lược quản trị rủi ro lãi suất thích hợp đối với các ngân hàng.

b. Sự biến động của lãi suất thị trường: Kết quả của sự tăng giảm lãi suất thị trường sẽ làm giá trị thị trường của tài sản hoặc nợ thay đổi, ảnh hưởng đến giá trị ròng của ngân hàng.

c. Các yêu cầu từ phía NHTW: thông qua các quy định của NHTW được áp dụng cho các rủi ro mà các ngân hàng phải có điều chỉnh công tác quản trị cho phù hợp.

1.3.2. Những nhân tố thuộc về ngân hàng

a. Khả năng dự báo mức thay đổi lãi suất của ngân hàng cũng như các giả định về hành vi: Ngân hàng phải xác định được mức biến động của dãy lãi suất có khả năng xảy ra trong tương lai để phục vụ công tác đo lường rủi ro.

b. Các nhân tố về cơ cấu tổ chức, cơ chế quản lý và nhân lực quản trị: Việc có những bộ phận chức năng chuyên trách, có am hiểu về nghiệp vụ chuyên môn, có kỹ năng xử lý trước những biến động của thị trường sẽ nâng cao được hiệu quả của quản trị rủi ro.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Trong chương 1, tác giả đã tập trung nghiên cứu và làm rõ những vấn đề cơ bản về rủi ro lãi suất, quản trị rủi ro lãi suất.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ RỦI RO LÃI SUẤT TẠI NGÂN HÀNG TMCP PHƯƠNG ĐÔNG

2.1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ NGÂN HÀNG TMCP PHƯƠNG ĐÔNG

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Ngân hàng TMCP Phương Đông

2.1.2 Cơ cấu tổ chức

2.1.3. Kết quả đạt được

a. Hoạt động huy động vốn

Năm 2011 nguồn vốn huy động tăng 5.146 tỷ đồng so với năm 2010 tương ứng với tỉ lệ tăng 51,47%. Nguyên nhân do mức độ tăng đáng kể của lượng tiền gửi dân cư, tiền gửi của các tổ chức tín dụng 5.481 tỷ đồng, trong khi lượng tiền gửi của các tổ chức kinh tế chỉ giảm 335 tỷ đồng

Trong năm 2012 nguồn vốn huy động tiếp tục tăng so với năm 2011 là 4.782 tỷ đồng, tương ứng với tỉ lệ tăng 31,58%. Mức tăng cũng xuất phát từ lượng tiền gửi của các tổ chức tín dụng tăng 53,6% so với năm 2011, của các tầng lớp dân cư tăng 31,58% so với năm 2011. Mức giảm nhiều nhất vẫn là lượng giảm nguồn huy động từ các tổ chức kinh tế, giảm 870 tỷ đồng.

b. Hoạt động cho vay

Năm 2012 dư nợ bình quân của ngân hàng là 13.846 tỷ đồng, tăng hơn năm trước là 2.261 tỷ đồng với mức tăng 19,52%. Dư nợ trong những năm qua của ngân hàng tăng đồng thời ngân hàng cũng đã nỗ lực giải quyết nợ xấu. Năm 2010 tỷ lệ nợ xấu của OCB là 3,08%, năm 2011 là 2,87%, đến năm 2012 còn 2,34%. Mức nợ xấu như vậy cũng do tình hình khó khăn chung của nền kinh tế, doanh

nghiệp, cá nhân làm ăn thua lỗ, không tiếp tục kham nổi lãi suất của ngân hàng đang ở thời điểm cao, mặt khác tài sản thế chấp như bất động sản, hàng hóa lại khó thanh khoản.

c. Kết quả kinh doanh

Về lợi nhuận, năm 2011 tăng so với năm 2010 là 133 tỷ đồng, tương ứng tăng 49,08% . Năm 2012 giảm so với năm 2011 là 4 tỷ đồng, tương ứng giảm gần 1%. Sở dĩ có mức tăng đột biến của năm 2011 so với năm 2010 là do tổng thu tăng 599 tỷ đồng, trong khi tổng chi tăng 466 tỷ đồng. Một nguồn chi đáng kể của ngân hàng đó là chi phí hoạt động. Đó là do năm 2011 và năm 2012 là năm ngân hàng thực hiện một loạt sự đổi mới về công nghệ, trang thiết bị hiện đại, hiện đại hóa ngân hàng theo hướng chuyên nghiệp. Chính vì vậy dù tổng thu năm 2012 tăng nhưng lợi nhuận lại giảm so với năm 2011.

2.2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO LÃI SUẤT TẠI OCB

2.2.1. Tổ chức bộ máy quản trị rủi ro lãi suất

Hội đồng ALCO là hội đồng chuyên môn trực thuộc Tổng Giám đốc, là cơ quan chịu trách nhiệm quản trị sự cân đối của TS Nợ - TS Có và các rủi ro thanh khoản, lãi suất, tỷ giá, điều chỉnh các phương án kinh doanh phù hợp với biến động trên thị trường tài chính tiền tệ.

- Nhiệm vụ, quyền hạn của Khối Thị trường & Đầu tư:

Một trong những nhiệm vụ của Khối là Quản lý rủi ro ALM (thanh khoản, lãi suất, tỷ giá) của hệ thống để phục vụ yêu cầu kinh doanh của khối

- Nhiệm vụ, quyền hạn của từng phòng ban

- Phòng Quản lý Tài sản Nợ và Có

- Phòng thị trường tiền tệ

2.2.2. Mô hình đo lường rủi ro lãi suất được sử dụng

Quy trình đo lường rủi ro hiện tại của Phòng Quản lý TS Nợ & Có

- Thu thập dữ liệu Tài sản và Nợ từ hệ thống công nghệ thông tin

- Thực hiện các giả định mức độ biến động lãi suất theo từng kỳ hạn định lại lãi suất. Phân nhóm các loại TS Nợ, TS có theo mức độ nhạy cảm

- Sử dụng các chỉ tiêu đo lường rủi ro để tính toán mức độ rủi ro.

2.2.3. Công tác kiểm soát rủi ro lãi suất

Theo quyết định của HĐQT ngân hàng thì cơ quan chuyên trách có nhiệm vụ quản lý rủi ro thị trường và rủi ro hoạt động là Khối Quản lý rủi ro.

2.2.4. Công tác dự báo lãi suất trong tương lai

Dự báo biến động lãi suất trong tương lai để làm cơ sở cho công tác quản trị rủi ro được cán bộ nhân viên phòng Quản lý TS Nợ và Có thực hiện trên sự kết hợp những dự đoán dựa trên thông tin quá khứ, diễn biến thị trường hiện tại, và theo dõi động thái điều hành của NHNN.

2.2.5. Đội ngũ nhân lực trong quản lý rủi ro lãi suất

Số lượng nhân viên làm việc tại Khối Thị trường và Đầu tư hiện nay gồm 17 người, được đào tạo theo chuyên môn về quản lý nguồn vốn.

2.2.6. Thay đổi quy định về đầu tư tài sản

Với nguồn nhạy cảm lãi suất thì tài sản cũng được thay đổi lãi suất cho phù hợp.

2.3 PHÂN TÍCH CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO LÃI SUẤT TẠI OCB

2.3.1. Sự biến động lãi suất thị trường trong thời gian 2010-2012

Năm 2010 do yêu cầu của ngân hàng nhà nước tập trung cho vay ưu đãi đối với 1 số lĩnh vực ưu tiên, nên mặc dù lãi suất huy động vẫn đang cao nhưng lãi suất cho vay năm 2010 bị khống chế ở mức trần 12%/năm. Lãi suất cho vay trung dài hạn được điều chỉnh từ lãi suất huy động kỳ hạn dài do đó năm 2010 ở mức 17-19%/năm.

Năm 2011 chỉ còn vài NHTM e dè vẫn thực hiện chính sách ưu tiên lãi suất ưu đãi đối với 1 số lĩnh vực SXKD, nhưng với sức ép lạm phát thì mặt bằng lãi suất tăng cao khoảng 5% so với năm 2010 được điều chỉnh ở mức 17-18%/năm đối với vay ngắn hạn, vay dài hạn điều chỉnh ở mức 23-24%/năm.

Năm 2012 với những yếu tố ổn định thị trường, lãi suất đã được điều chỉnh giảm ở mức 15-16,5%/năm đối với vay ngắn hạn, 20%/năm đối với vay trung dài hạn.

Mặc dù công bố vẫn đạt mức lợi nhuận cao, nhưng nhìn chung thu nhập lãi suất ròng của ngân hàng đã sụt giảm do sự biến đổi lợi nhuận ròng bị ảnh hưởng từ giá trị tài sản Nợ và Có của ngân hàng. Chênh lệch thu nhập-chi phí khá lớn, nguyên nhân chủ yếu do thu nhập lãi ròng giảm sút.

2.3.2. Sử dụng các công cụ phái sinh để phòng ngừa RRLS

Giá trị đầu tư chứng khoán năm 2010 là 67,5 tỷ đồng, năm 2011 là 84,1 tỷ đồng, tăng 24,5% so với năm 2010. Năm 2012 giá trị đầu tư chứng khoán là 47,7 tỷ đồng, giảm 43,3% so với năm 2011. Với hoạt động mua bán kinh doanh chứng khoán, lợi nhuận từ hoạt động này sụt giảm liên tục trong 2 năm 2011 và 2012. Thực tế trong

vài năm trở lại đây, với sự ảm đạm của thị trường chứng khoán, các ngân hàng không còn coi việc kiếm lời từ kinh doanh chênh lệch chứng khoán như là một trong những khoản sinh lời từ kênh đầu tư ngoài hoạt động kinh doanh truyền thống của ngân hàng.

Trên bảng cân đối kế toán của ngân hàng đã phát sinh thanh toán đối với giao dịch hoán đổi SWAP, mua bán USD hoán đổi năm 2010 là 6 tỷ đồng, năm 2011 là 0 đồng, năm 2012 là 790 triệu đồng.

2.3.3. Hệ thống công nghệ thông tin

Hệ thống thông tin hiện nay tại OCB có thể đáp ứng việc truy xuất số liệu chi tiết của từng tài sản đầu tư, cũng như nợ đến hạn, để làm cơ sở cho việc quản trị rủi ro lãi suất.

Tuy nhiên lại chưa có chương trình cập nhật cơ sở dữ liệu thị trường và động thái của khách hàng gọi tiền- vay tiền khi có sự thay đổi lãi suất để làm cơ sở dữ liệu cho việc phân tích, dự báo trong lai.

2.4. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC VÀ HẠN CHẾ CÒN TỒN TẠI CỦA CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO LÃI SUẤT

2.4.1. Kết quả đạt được của công tác quản trị rủi ro lãi suất

a. Nhận thức được tầm quan trọng trong công tác quản trị RRLS

OCB đã đánh giá được tầm quan trọng của công tác quản trị rủi ro lãi suất và đã tích cực thực hiện các biện pháp nhằm tăng cường phòng chống rủi ro và phát hiện rủi ro

b. Thực hiện các giải pháp đồng bộ để quản trị RRLS

Trong thời gian qua, OCB cũng đã từng bước xây dựng và hoàn thiện dần mô hình tổ chức phù hợp với thị trường, có sự tách biệt công việc đảm nhận của từng phòng ban, có cơ chế quản lý, kiểm soát rủi ro lãi suất.

c. Thực hiện báo cáo Gap thường xuyên để đo lường RRLS

Ngân hàng áp dụng kỹ thuật đơn giản nhất để đo lường rủi ro lãi suất là lập bảng kỳ hạn/ tái định lãi suất trên đó phân bố các TSC-TSN và các giao dịch ngoại bảng nhạy cảm lãi suất theo các nhóm thời hạn (time bands) tùy theo kỳ hạn (đối với loại lãi suất cố định) hoặc kỳ hạn còn lại tính tới lúc được tái định lãi suất (đối với loại lãi suất thả nổi).

d. Công tác kiểm soát rủi ro lãi suất

Ngân hàng từng bước đã có sự quan tâm đến việc kiểm soát rủi ro lãi suất, cụ thể là ngân hàng đã có sự cân đối hài hòa giữa kỳ hạn cho vay và huy động một cách hợp lý.

e. Đầu tư hệ thống công nghệ thông tin hiện đại

Ngân hàng đã đầu tư hệ thống thông tin quản lý đầy đủ (MIS) để cho phép truy xuất thông tin hợp lý và chính xác kịp thời.

f. Mức độ yêu cầu thông tin thu thập khá đầy đủ

Để mô tả rủi ro lãi suất gắn liền với tình hình kinh doanh hiện tại của NH, hệ thống thông tin của NH đã thu thập khá đầy đủ chi tiết về các khoản đầu tư tài sản, các khoản huy động vốn.

2.4.2. Những vấn đề tồn tại và nguyên nhân của những tồn tại

a. Những vấn đề tồn tại

- Quy trình cụ thể, chuyên môn của Phòng ban chức năng chưa chuẩn hóa

- Phương pháp đo lường RRLS hiện tại còn nhiều hạn chế

- Chưa xây dựng chính sách huy động, cho vay hợp lý bao gồm: Các biện pháp tâm lý tác động vào tình cảm của khách hàng để duy trì, củng cố phát triển các mối quan hệ tốt đẹp, bền vững, lâu dài giữa ngân hàng và khách hàng. Chính sách tín dụng cụ thể để nhân

viên tín dụng và lãnh đạo các chi nhánh có định hướng khi đưa ra quyết định cho vay đối với khách hàng. Các sản phẩm liên quan đến huy động và cho vay trung dài hạn theo lãi suất thị trường cạnh tranh, nắm bắt tâm lý của khách hàng thường xuyên

b. Nguyên nhân

*** Nguyên nhân từ phía ngân hàng**

- Quá trình quản trị rủi ro lãi suất của ngân hàng còn nhiều mặt hạn chế.

- OCB cũng chỉ quan tâm và có sự điều chỉnh ngắn hạn chưa mang tính chiến lược hoặc đầu tư về mặt kỹ thuật chuyên môn để quản trị hiệu quả.

- Do cơ chế quản lý được tiếp nối từ công việc của bộ phận nguồn vốn thuộc mô hình cũ nên công việc quản trị còn bị thụ động.

- Ngân hàng thiếu nắm bắt về tâm lý, cũng như chưa có những đánh giá thường xuyên về khách hàng vay và gửi để có những tác động theo hướng tích cực cho ngân hàng.

*** Nguyên nhân từ phía khách hàng**

- Khách hàng gửi tiền thường có tâm lý lựa chọn ngân hàng với tiêu chí mỗi thời điểm khác nhau, nên thường không trung thành với bất kỳ ngân hàng nào trong suốt thời gian gửi.

- Khách hàng vay vốn nhiều khi không tính toán chính xác được những thu nhập bất thường hay lường hết những khả năng rủi ro sắp tới nên vay vốn thường không đúng theo thời hạn đã ký kết.

*** Nguyên nhân từ nền kinh tế**

- Những tác động của nền kinh tế thế giới nói chung và khả năng phát triển kinh tế tại từng chi nhánh của ngân hàng có những ảnh hưởng đến tâm lý, hoạt động kinh doanh của khách hàng.

- Hệ thống NHNN vẫn chưa có những yêu cầu, chưa có

những hướng dẫn cụ thể, cũng như sự quan tâm đến quản trị rủi ro lãi suất ở các ngân hàng.

- Thị trường công cụ phái sinh chưa có nhiều điều kiện phát triển như các nước trong khu vực và trên thế giới nên các giao dịch với các công cụ tài chính của ngân hàng chưa đạt được kết quả để kiểm soát quản trị rủi ro lãi suất.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Chương 2 của luận văn đã giới thiệu, trình bày, phân tích một số nội dung cơ bản sau:

- Khái quát về quá trình hình thành, phát triển, chức năng nhiệm vụ của Ngân hàng TMCP Phương Đông

- Phân tích đánh giá thực trạng về công tác quản trị rủi ro lãi suất tại Ngân hàng TMCP Phương Đông, kết quả đạt được của công tác quản trị rủi ro.

- Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản trị rủi ro lãi suất của Ngân hàng TMCP Phương Đông

Từ đó tác giả đã đánh giá những mặt thành công, hạn chế và nguyên nhân tồn tại. Trên cơ sở đó, luận văn đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản trị rủi ro lãi suất và các kiến nghị.

CHƯƠNG 3

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO LÃI SUẤT TẠI NGÂN HÀNG TMCP PHƯƠNG ĐÔNG

3.1. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

3.1.1. Định hướng xây dựng chính sách quản lý RRLS

Trong quy trình quản lý rủi ro, một trong những yếu tố không thể tách rời đó là một hệ thống các hạn mức và văn bản hướng dẫn các hoạt động rủi ro được xây dựng cho toàn ngân hàng.

Thông lệ quản trị rủi ro hiệu quả phải bắt đầu từ cấp cao nhất đó là các chức năng quản lý rủi ro do HĐQT và Ban điều hành (BDH) thực hiện.

3.1.2. Định hướng quản trị rủi ro lãi suất

- Xây dựng chính sách lãi suất huy động và cho vay vốn phù hợp với mức độ rủi ro và hoạt động của ngân hàng, cạnh tranh trong hệ thống ngân hàng và hấp dẫn đối với khách hàng.

- Cân đối sao cho phù hợp về kỳ hạn giữa tài sản có và tài sản nợ nhằm giảm mức độ tổn thất trên thu nhập ròng ngân hàng do biến động lãi suất.

- Sử dụng các công cụ phái sinh ngoại bảng nhằm phòng ngừa RRLS

3.2. HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO LÃI SUẤT

3.2.1. Giải pháp nhằm hoàn thiện bộ máy quản trị RRLS

a. Nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị

b. Nhiệm vụ của Ban Giám đốc

c. Nhiệm vụ của Phòng Quản lý Rủi ro

3.2.2. Giải pháp cho mô hình đo lường RRLS hiệu quả

hơn

Định hướng xây dựng mô hình mô phỏng từ báo cáo Gap của NH với một dãy các kịch bản và giả định. Một mô hình mô phỏng dự kiến các dòng tiền trong tương lai, thu nhập và những tài sản có và tài sản nợ của ngân hàng được thay thế như thế nào.

3.2.3. Giải pháp nhằm nâng cao công tác kiểm soát RRLS

- Xem xét thu hồi nợ tránh lệch pha với thu thập của người vay.

- Bám sát diễn biến cân đối nguồn vốn sử dụng vốn hàng ngày và điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn sử dụng vốn phù hợp với thực tế về kỳ hạn và loại tiền.

3.2.4. Giải pháp nâng cao chất lượng nhân lực quản lý RRLS

Cán bộ quản lý phải thực sự chuyên nghiệp và có trình độ, kiến thức chuyên môn trong việc cân đối nguồn vốn.

3.2.5. Nhóm các giải pháp bổ sung về các quy định

- Mục tiêu quản trị rủi ro lãi suất của ngân hàng là duy trì rủi ro này tại mức ngân hàng tự đặt ra trong trường hợp có biến động lãi suất. Do đó, ngân hàng phải có hệ thống các hạn mức rủi ro lãi suất và các hướng dẫn.

- Vốn có vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ và giảm thiểu rủi ro. Để quản lý hiệu quả, ngân hàng cần phải biết và chuyển mức độ rủi ro lãi suất của mình cho dù đó là rủi ro của các hoạt động kinh doanh hay không kinh doanh thành đánh giá chung đối với mức vốn đạt yêu cầu.

3.2.6. Xây dựng quy trình quản trị rủi ro lãi suất

a. Nhận dạng rủi ro

- Trước tiên Phòng QL TS Nợ và Có nên xem xét bản chất và độ phức tạp của các sản phẩm và hoạt động ngân hàng và các

tính chất rủi ro của những hoạt động kinh doanh doanh này trước khi nhận dạng các nguồn chính gây nên rủi ro lãi suất và đóng góp có liên quan của mỗi nguồn rủi ro đến rủi ro lãi suất chung của ngân hàng.

b. Đo lường rủi ro

Các bước cần thực hiện trong tiến trình đo lường RRLS

- Thu thập dữ liệu
- Thực hiện các kịch bản và giả định
- Tính toán các mức độ rủi ro

c. Kiểm soát rủi ro: Các nhân tố chính của quá trình kiểm soát rủi ro bao gồm

- Kiểm toán quá trình quản lý rủi ro lãi suất
- Hạn mức rủi ro
- Hạn mức thu nhập chịu rủi ro
- Hạn mức Gap

d. Tài trợ rủi ro: Bao gồm các nội dung

- Chiến lược đánh giá
- Báo cáo rủi ro lãi suất

3.2.7. Nhóm các giải pháp bổ sung

a. Bổ sung các bước trong quá trình kiểm tra lãi suất

- **Bước 1:** Kiểm tra các tài liệu báo cáo trước để phát hiện có rủi ro lãi suất hay không

- **Bước 2:** Tiếp cận và kiểm tra thông tin về rủi ro lãi suất trong các báo cáo gần nhất

- **Bước 3:** Phân tích xu hướng để phát hiện rủi ro lãi suất hiện tại và tiềm năng của ngân hàng

- **Bước 4:** Kiểm tra việc đo lường, theo dõi và kiểm soát rủi ro lãi suất

- **Bước 5:** Thảo luận với các cấp lãnh đạo về phương pháp tính và những thay đổi để hạn chế

- **Bước 6:** Quyết định phạm vi của việc kiểm tra này bao gồm danh mục các khoản cho vay, danh mục đầu tư, tài khoản tiền gửi, các sản phẩm phái sinh ngoại bảng, và các nguồn khác có rủi ro lãi suất.

b. Đánh giá chất lượng của quá trình quản lý rủi ro lãi suất (cao, trung bình, kém)

- Các chính sách của ngân hàng

Các chính sách bao gồm:

- Quy trình quản lý rủi ro để nhận dạng, đo lường, giám sát và kiểm soát rủi ro

- Thiết lập khả năng chịu đựng rủi ro, hạn mức rủi ro và khả năng quản lý rủi ro: có phù hợp với bản chất và sự phức tạp của rủi ro lãi suất ngân hàng và có được đánh giá lại định kỳ khi có sự thay đổi điều kiện thị trường và các hoạt động của ngân hàng hay không.

- Các hoạt động ngoại bảng của ngân hàng

- Xem xét các hoạt động ngoại bảng của ngân hàng để xác định có nhất quán với chiến lược và chính sách rủi ro lãi suất hay không.

- Việc sử dụng các công cụ phái sinh có đạt được các chiến lược quản trị một cách hiệu quả hay không

c. Đánh giá chất lượng báo cáo đo lường rủi ro lãi suất đang sử dụng

Đánh giá báo cáo Gap với những nội dung sau:

- Đã bao gồm tất cả tài sản có, tài sản nợ, và các khoản mục ngoại bảng hay không.

- Có phản ánh các giả định phù hợp để đưa các khoản mục

trong bảng cân đối vào các nhóm kỳ hạn đáo hạn hay dãy thời gian khác nhau.

- Có cho phép ban điều hành đánh giá thời gian đáo hạn tài sản có và nợ không, có ngày định giá theo hợp đồng một cách phù hợp không.

- Có cho phép ban điều hành xem xét các biến động theo mùa, xu hướng khối lượng trong quá khứ, và cả đặc điểm hành vi.

- Có cho phép ban điều hành xem xét các quyền chọn ẩn mà khách hàng có thể thực hiện không.

d. Đánh giá chất lượng giám sát rủi ro lãi suất

- Xác định loại hạn mức nào được sử dụng để kiểm soát rủi ro lãi suất và xác định rõ hiệu quả của các hạn mức này.

- Xác định liệu ngân hàng có thiết lập mức độ thu nhập mà ngân hàng sẵn sàng chịu rủi ro khi lãi suất biến động ngược chiều. Nếu ban điều hành sử dụng các tỷ lệ Gap để hạn chế rủi ro lãi suất, xác liệu các hạn mức này có chuyển thành hạn mức thu nhập chịu rủi ro không.

- Xác định liệu ban điều hành có thiết lập hạn mức đối với rủi ro dài hạn hay định giá lại (Gap).

e. Đánh giá các cán bộ trong Ban điều hành và Hội đồng quản trị

- Đánh giá trình độ và năng lực, kinh nghiệm của các cán bộ trong BDH, HĐQT có đáp ứng các kỹ năng cần thiết và kiến thức để quản lý rủi ro lãi suất một cách hiệu quả không.

- Đồng thời đánh giá trình độ và năng lực, kinh nghiệm của các cán bộ phụ trách công tác quản lý rủi ro lãi suất

3.3. KIẾN NGHỊ ĐỐI VỚI NHNN

- Điều hành linh hoạt thận trọng chính sách tiền tệ, lãi suất,

tỷ giá, kiểm soát lạm phát, nhanh chóng can thiệp vào hoạt động của các ngân hàng để tạo lập sự cạnh tranh bình đẳng giữa các ngân hàng.

- Tích cực kiểm soát các chỉ tiêu khác như dự trữ bắt buộc, khe hở kỳ hạn để hạn chế rủi ro lãi suất, rủi ro ngân hàng,..

- Đóng vai trò trung gian tổ chức các hội thảo để khuyến khích các ngân hàng chia sẻ kinh nghiệm trong quản lý TSN-TSC, giúp cho ngân hàng có cái nhìn đúng đắn về tầm quan trọng của quản lý rủi ro lãi suất.

- Tăng cường công tác chỉ đạo, hỗ trợ cho công tác quản lý rủi ro tại các NHTM bằng việc ban hành các văn bản thống nhất về quản trị rủi ro cũng như đào tạo cho cán bộ nghiệp vụ về kinh nghiệm quản trị rủi ro trong nước và ngoài nước.

- Đảm bảo nắm bắt, phân tích đánh giá kịp thời diễn biến của thị trường tài chính như lãi suất, tỷ giá, giá vàng... dự báo diễn biến tình hình kinh tế có tác động liên quan trực tiếp đến ngân hàng nhằm triển khai kịp thời các chính sách hỗ trợ các NHTM.

- Thanh tra giám sát chặt chẽ các hoạt động cho vay bất động sản, tín dụng tiêu dùng, cho vay đầu tư, kinh doanh ngoại hối.

- Chỉ đạo việc sáp nhập các ngân hàng có năng lực tài chính yếu, lành mạnh hóa hệ thống ngân hàng nhằm tạo niềm tin cho người dân đối với hệ thống ngân hàng.

- Cần tiến hành những cuộc khảo sát về phản ứng của thị trường trước những thay đổi về chính sách quản lý tiền tệ để nhận định được xu hướng tác động của các chính sách tiền tệ đến thị trường.

- Hoàn thiện môi trường pháp lý cho các công cụ phái sinh: hợp đồng tương lai, hợp đồng hoán đổi lãi suất, hợp đồng trần, sàn,..

KẾT LUẬN

Việc kiểm soát hiệu quả rủi ro lãi suất đòi hỏi có một quy trình quản lý rủi ro toàn diện đảm bảo phát hiện kịp thời, đo lường, giám sát và kiểm soát rủi ro. Cách thức thực hiện quy trình này có thể đa dạng, phụ thuộc vào quy mô và sự phức tạp của ngân hàng. Trong nhiều trường hợp, ngân hàng có thể chọn việc thiết lập và truyền tải các nguyên tắc và cách thực hiện quản lý rủi ro bằng văn bản để có hướng dẫn kiểm soát rủi ro chính thức.

Cho dù ngân hàng sử dụng cơ chế như thế nào thì thủ tục hay quy trình quản lý rủi ro lãi suất của ngân hàng nên được thiết lập như sau:

- Trách nhiệm và thẩm quyền nhận biết rủi ro lãi suất tiềm ẩn đang phát sinh từ những sản phẩm hay hoạt động mới hay hiện tại; thiết lập và duy trì hệ thống đo lường rủi ro lãi suất; lập và thực hiện chiến lược; và những loại trừ chính sách cho phép.

- Một hệ thống đo lường rủi ro lãi suất của ngân hàng nên giúp nhận biết và lượng hóa những nguồn chính dẫn đến rủi ro lãi suất của ngân hàng một cách kịp thời.

- Một hệ thống giám sát và báo cáo tình hình rủi ro bao gồm quản lý cấp cao và hội đồng quản trị hay ủy ban quản lý rủi ro nên nhận các báo cáo về tình hình rủi ro lãi suất của ngân hàng ít nhất là hàng quý nhưng thường xuyên hơn nên tính chất và mức độ rủi ro của ngân hàng đòi hỏi cần có báo cáo. Những báo cáo này nên cho phép nhà quản lý cấp cao và hội đồng quản trị đánh giá khoản rủi ro lãi suất đang chịu, tuân thủ theo hạn mức đã được thiết lập và chiến lược quản lý có phù hợp với khả năng chịu đựng rủi ro mà hội đồng quản trị đã đặt ra hay không.

- Hạn mức rủi ro và kiểm soát theo tính chất và khoản rủi ro lãi suất có thể gặp phải. Khi quyết định hạn mức rủi ro, quản lý cấp cao nên xem xét bản chất chiến lược và hoạt động của ngân hàng, quá trình thực hiện trước đây, mức độ thu nhập và vốn sẵn có để bù đắp những khoản tổn thất và khả năng chịu đựng rủi ro do HĐQT đặt ra

Lãi suất là yếu tố do thị trường quyết định, mặt khác tác động rất lớn đến kết quả kinh doanh của ngân hàng. Chính vì vậy, việc quản lý rủi ro lãi suất không được chú trọng là nguyên nhân dẫn đến thu nhập lãi ròng của ngân hàng sụt giảm. Ngân hàng có thể tự thiết kế và thực hiện các mô hình đo lường rủi ro hay mua các mô hình này từ một nhà cung cấp bên ngoài. Thực hiện một mô hình tự xây dựng (nếu ngân hàng có khả năng) thì thường được chọn lựa hơn vì mô hình có thể được thiết kế thích hợp với tình hình hoạt động đặc trưng riêng của ngân hàng.

Để thực hiện một mô hình riêng, ngân hàng phải thiết kế mô hình và cần sự hỗ trợ lập trình từ Khối Công nghệ thông tin.

Trên cơ sở vận dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu lý luận và thực tiễn, luận văn đã hoàn thiện được một số vấn đề sau:

Thứ nhất, luận văn đã hệ thống hóa các vấn đề chung về lãi suất, rủi ro lãi suất; Từ đó, đưa ra phương pháp luận về quản trị rủi ro lãi suất, tổng hợp các tiêu chí đánh giá kết quả rủi ro.

Thứ hai, trên cơ sở phương pháp luận, luận văn đi sâu vào phân tích thực trạng công tác quản trị rủi ro lãi suất tại ngân hàng Phương Đông trong thời gian qua. Từ đó chỉ ra những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân cần khắc phục trong thời gian tới.

Thứ ba, đưa ra giải pháp cần hoàn thiện và kiến nghị nhằm hạn chế rủi ro lãi suất tại ngân hàng

Mặc dù tác giả đã hết sức cố gắng do vừa làm công tác, vừa làm luận văn nên thời gian có hạn chế, đề tài khó trách khỏi những thiếu sót. Tác giả rất mong được sự góp ý của Quý thầy cô, bạn bè và những cá nhân, tập thể có quan tâm đến lĩnh vực quản trị rủi ro lãi suất của của NHTM để đề tài hoàn thiện hơn.